TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2023
V/v Hủy kết hôn trái pháp luật, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà hủy kết hôn trái pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đông Giang và ông Phạm Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 08/2023/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà hủy kết hôn trái pháp luật". Do bản án sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Đa Quả 1, xã Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1968; HKTT: Thôn Phương La 1, xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Thôn Quang Trung, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng Võ Thị L; địa chỉ: Số nhà 124, đường Hòa Bình, tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị L - Trưởng Văn phòng. Vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhân - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Đến năm 2007, chị biết được anh H đã đăng ký kết hôn và có con với người khác. Năm 2020, anh H làm đơn ly hôn chị gửi Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nhưng được Tòa án hòa giải và vợ chồng về đoàn tụ. Sau đó, chị đã thuyết phục anh H ly hôn với người phụ nữ kia nhưng anh H không thực hiện. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, nên chị xin ly hôn anh H.

2. Về con chung: Chị và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với trình bày của chị M về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Tuy nhiên, anh H cho rằng: thời điểm anh đăng ký kết hôn với chị M thì anh đã có vợ là chị Nguyễn Thị N (đăng ký kết hôn năm 1985 đến năm 2004, anh H mới giải quyết ly hôn với chị N tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình). Năm 2002, anh H đăng ký kết hôn được với chị M do lúc đó anh là Giám đốc Chi nhánh Công ty sản xuất, xuất nhập khẩu Hương Sen tại tỉnh Thanh Hóa, nên anh tự viết giấy giới thiệu, đóng dấu của Chi nhánh Công ty gửi đến Ủy ban nhân dân xã Hà Ninh (nay là Yến Sơn) để đăng ký kết hôn với chị M. Vì vậy, anh H cho rằng quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị M là trái pháp luật nên anh đề nghị Tòa án tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị M. Ngoài ra, anh H còn khai: trong quá trình chung sống với chị M, năm 2007, anh H sử dụng trích lục ly hôn với chị Nguyễn Thị N để đăng ký kết hôn với chị Trần Thị S, sinh năm 1972, đăng ký kết hôn ngày 17/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đến nay mối quan hệ hôn nhân này vẫn đang tồn tại.

2. Về con chung: Anh H và chị M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vào năm 2006, anh H nhận chuyển nhượng thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8 tại xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 200m^2. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI02116; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00257-HN/557/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28/6/2007 mang tên Trần Văn H. Tháng 4/2021, anh đã có đơn xin ly hôn chị M gửi Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nhưng được Tòa án hòa giải nên anh đã rút đơn và vụ án được đình chỉ. Chị M muốn quay về đoàn tụ với anh và đã dùng lời lẽ ngon ngọt để anh tặng cho thửa đất trên cho chị M. Ngày 26/4/2021, anh và chị M đã ra Văn phòng công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng với nội dung: Anh H đồng ý chia cho chị M được quyền sử dụng thửa đất nêu trên và anh không yêu cầu chị M phải thực hiện nghĩa vụ bù trừ nào. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung xong thì chị M làm đơn xin ly hôn anh và công bố thửa đất trên là tài sản riêng của chị M. Do bị chị M lợi dụng tình cảm của anh nên anh đã có đơn gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa để dừng việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M.

Nay, anh H yêu cầu Tòa án hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 26/4/2021 tại Văn phòng công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa và anh không đồng ý chia đất cho chị M vì thửa đất là tài sản riêng của anh, do anh mua bằng tiền riêng của mình.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa trình bày*: Về trình tự, thủ tục nộp hồ sơ và đăng ký kết hôn cho chị M và anh H đúng theo quy định pháp luật. Chị M và anh H đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã Yến Sơn đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Võ Thị L trình bày:* Do hồ sơ đã được Văn phòng hướng dẫn và làm đúng quy định về thủ tục, trình tự công chứng theo quy định của pháp luật nên Văn phòng không đồng ý yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng" của anh Trần Văn H, trường hợp hủy bỏ phải có ý kiến của chị Nguyễn Thị M.

Bản án sơ thẩm số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của

Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 10, 16, 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 457, 459, 502, 503 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn H; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 13/5/2002 của Ủy ban nhân dân xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về tài sản:

2.1. Tuyên bố: "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng" giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M đã được công chứng ngày 26/4/2021 tại Văn phòng Công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa không có hiệu lực pháp luật.

2.2. Xác định thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 200m^2 đất ở là tài sản chung của anh H, chị M.

* Xử chia và giao cho anh Trần Văn H quyền sử dụng diện tích đất ở 100m^2 có giá trị là: 100m^2 x 1.500.000 đồng/01m^2 = 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tại thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Trung (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đất có các chiều đo cụ thể như sau: phía Đông giáp phần đất chia cho chị M dài 23,53m; phía Tây giáp hộ bà Hòa dài 23,53m; phía Nam giáp đường bờ kênh dài 4,25m; phía Bắc giáp hành lang quốc lộ dài 4,25m.

* Xử chia và giao cho chị Nguyễn Thị M quyền sử dụng diện tích đất ở 100m^2 có giá trị là: 100m^2 x 1.500.000 đồng/01m^2 = 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tại thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Trung (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đất có các chiều đo cụ thể như sau: phía Đông giáp hộ ông Khương dài 23,53m; phía Tây giáp phần đất chia cho anh H dài 23,53m; phía Nam giáp đường bờ kênh dài 4,25m; phía Bắc giáp hành lang quốc lộ dài 4,25m.

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

3. Về thanh toán chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị M phải thanh toán cho

anh Trần Văn H số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, chị Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chị M không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh H mà đề nghị Tòa án xử ly hôn theo đúng pháp luật. Chị M không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi thửa đất mà anh H đã làm thủ tục tại phòng công chứng chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất sang cho chị M nên đây là tài sản riêng của chị M.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bản thân chị M khi kết hôn với anh H thì anh H chỉ nói với chị là anh H có vợ và con với chị N nhưng không đăng ký kết hôn nên chị M tin tưởng lời anh H nói. Thủ tục đăng ký kết hôn giữa chị với anh H tại Ủy ban nhân dân xã Yến Sơn là hợp pháp nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn. Về vấn đề tài sản: Trong thời gian chị M đi xuất khẩu lao động có gửi tiền qua Ngân hàng cho anh H để mua mảnh đất nêu trên. Việc anh H tự nguyện phân chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất diện tích 200m^2 cho chị đã được lập bằng văn bản, có công chứng hợp pháp ngày 26/4/2021 nên tài sản này đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của riêng chị từ ngày anh H ký kết văn bản thỏa thuận nêu trên. Lý do chị chưa đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất là do thời điểm đó dịch bệnh Covid nên các cơ quan đều không làm việc nên chị không đăng ký được nhưng chị không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Chị M chỉ ký nhận tài sản trên giấy tờ chứ chưa được bàn giao và sử dụng thửa đất trên thực tế. Vì vậy, chị M đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của chị.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn H trình bày: Anh H không đồng ý với nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị M. Về quan hệ hôn nhân, anh H thừa nhận có hành vi lừa dối chính quyền địa phương xã Hà Ninh để làm thủ tục kết hôn với chị M, tuy nhiên việc này cũng nhờ mối quan hệ của chị M mới giúp anh làm được việc này. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh H đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị N, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy hôn nhân trái pháp luật là đúng. Về tài sản: Việc anh H ký văn bản thỏa thuận phân chia tài sản cho chị M là tự

nguyện, nhưng do chị M hứa hẹn với anh về việc không chấm dứt quan hệ hôn nhân nữa mà sẽ tiếp tục chung sống với anh. Tuy nhiên, sau đó chị M không thực hiện lời hứa, mà lại làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh tại Tòa án, do vậy anh H cũng không muốn tiếp tục thực hiện thỏa thuận phân chia tài sản trên nữa nên đã có đơn đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung dừng thực hiện thủ tục đăng ký, sang tên quyền sử dụng đất cho chị M. Vì vậy, đến thời điểm này văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 26/4/2021 giữa anh và chị M chưa có hiệu lực pháp luật. Anh H đồng ý phân chia tài sản chung như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị M, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình về phần chia tài sản chung. Cụ thể: Công nhận hiệu lực của "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng" giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M đã được công chứng ngày 26/4/2021 tại Văn phòng Công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa. Xác định thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 200m^2 đất ở là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị M. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị M về giải quyết quan hệ hôn nhân theo hướng cho ly hôn. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà xem xét trách nhiệm hình sự của anh H do có dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị M làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị M thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/5/2002. Tuy nhiên, thời điểm này anh H đang có hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 17, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình (anh H kết hôn với chị N vào năm 1985 đến ngày 13/12/2004 anh H và chị N mới ly hôn). Nên việc kết hôn giữa chị M và anh H thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Anh Trần Văn H có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M. Do đó, dù chị M khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là kết hôn trái pháp luật nên tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh H là đúng pháp luật, được quy định tại Điều 10, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Trần Văn H thực hiện các hành vi để lừa dối cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị M, đồng thời năm 2007, anh H lại dùng trích lục ly hôn với chị Nguyễn Thị N để tiếp tục đăng ký kết hôn với chị Trần Thị S trong khi đang tồn tại quan hệ hôn nhân với chị M (thời điểm này chưa có Tòa án nào xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là trái pháp luật). Do vậy, cần kiến nghị với Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà xem xét trách nhiệm hình sự của anh Trần Văn H do có dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.

[2.2] Về phân chia tài sản chung: Chị M cho rằng thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa có diện tích 200m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H đã được anh H định đoạt cho chị bằng "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng", được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa nên xác định là tài sản riêng của chị M. Anh H cho rằng, việc anh H và chị M lập "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng" là do anh bị lừa dối, nên sau khi lập văn bản thỏa thuận ngày 26/4/2021 anh đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hà Trung để dừng thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất sang tên cho chị Nguyễn Thị M. Do đó, đến thời điểm giải quyết quan hệ hôn nhân với chị M thì chị M vẫn chưa làm được thủ tục sang tên cho chị M nên anh xác định đây là tài sản chung của anh H và chị M nên đề nghị chia theo pháp luật. Xét thấy: Về hình thức, thủ tục thực hiện việc thỏa thuận phân chia tài sản quyền sử dụng đất của anh H, chị M theo đúng quy định tại các Điều 457, 459, 502 Bộ luật Dân sự và quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, theo Điều 503

Bộ luật Dân sự quy định về hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng đất: "Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai". Điều 459 Bộ luật dân sự quy định: "1. Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật. 2. Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản". Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định về hình thức, thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất: "Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính". Mặt khác, các đương sự mới chỉ ký kết văn bản phân chia trên giấy tờ, mà chưa nhận bàn giao tài sản cho nhau. Chị M trình bày lý do chưa thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất là do thời điểm đó dịch bệnh covid diễn biến phức tạp, các cơ quan Nhà nước không làm việc nhưng chị M không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về việc này. Như vậy, "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng" giữa anh H và chị M mới chỉ hoàn thành về hình thức và thủ tục ký kết có công chứng nhưng do chưa thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định nêu trên nên văn bản này chưa có hiệu lực. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng" không có hiệu lực pháp luật là đúng pháp luật. Anh H không kháng cáo bản án, nên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 200m^2 (loại đất ở) là tài sản chung của anh H, chị M và phân chia bằng hiện vật cho các đương sự kỷ phần bằng nhau là đúng pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị M không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ các Điều 10, 16, 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 457, 459, 502, 503 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn H. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 13/5/2002 của Ủy ban nhân dân xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Kiến nghị: Cơ quan điều tra - Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xem xét trách nhiệm hình sự của anh Trần Văn H do có dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.

1.3. Về quan hệ tài sản:

1.3.1. Tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng" giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M đã được công chứng ngày 26/4/2021 tại Văn phòng Công chứng Võ Thị L, tỉnh Thanh Hóa không có hiệu lực pháp luật.

1.3.2. Xác định thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 200m^2 đất ở là tài sản chung của anh H chị M.

* Xử chia và giao cho anh Trần Văn H quyền sử dụng diện tích đất ở 100m^2 có giá trị là: 100m^2 x 1.500.000 đồng/01m^2 = 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tại thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà Trung (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đất có các chiều đo cụ thể như sau: phía Đông giáp phần đất chia cho chị M dài 23,53m; phía Tây giáp hộ bà Hòa dài 23,53m; phía Nam giáp đường bờ kênh dài 4,25m; phía Bắc giáp hành lang quốc lộ dài 4,25m.

* Xử chia và giao cho chị Nguyễn Thị M quyền sử dụng diện tích đất ở 100m^2 có giá trị là: 100m^2 x 1.500.000 đồng/01m^2 = 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tại thửa đất số 67/12, tờ bản đồ số 8, xóm 1, xã Hà

Trung (nay là xã Yến Sơn), huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đất có các chiều đo cụ thể như sau: phía Đông giáp hộ ông Khương dài 23,53m; phía Tây giáp phần đất chia cho anh H dài 23,53m; phía Nam giáp đường bờ kênh dài 4,25m; phía Bắc giáp hành lang quốc lộ dài 4,25m.

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

1.4. Về thanh toán chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị M phải thanh toán cho anh Trần Văn H số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 0004008 ngày 08/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí cho chị Nguyễn Thị M.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/5/2023.

nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND h. Hưng Hà;
- Chi cục THADS h. Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà